

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 12 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Kiêm

Bà Trần Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Thị L1, sinh năm 1955 tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị T; có chồng Nguyễn Văn L (đã chết) và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 26/01/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vũ Văn L2, sinh năm 1981;

2. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1991;

Đều cư trú: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (đều vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn R, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà ..., đường H, phố L, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

4. Chị Đinh Thị Phương T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn V, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

5. Anh Phan Văn N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện Y,

tỉnh Ninh Bình (có mặt).

6. Anh Vũ Văn T3, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

7. Anh Phạm Văn T4, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà ... đường L, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

8. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà ... đường T, phố P, phường S, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

9. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị L1 làm nghề lao động tự do. Để có thêm thu nhập chi tiêu cho cá nhân, Phạm Thị L1 đã cho nhiều người có nhu cầu vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời. L1 cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương mức lãi suất từ 108% đến 180%/năm) gấp từ 5,4 lần đến 9,0 lần mức lãi suất cho vay tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Khi cho vay L1 không yêu cầu người vay phải thế chấp, cầm cố tài sản gì, chỉ yêu cầu viết biên nhận vào sổ tay của L1.

Trong thời gian từ năm 2017 đến ngày 18/01/2022, Phạm Thị L1 đã cho 06 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 555.000.000 đồng và thu lợi bất chính số tiền 726.311.583 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh Vũ Văn L2 trú tại thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Anh Vũ Văn L2 làm nghề sửa chữa xe ô tô tại xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian từ tháng 12/2018 đến năm 2020 do thiếu tiền mua vật tư, linh kiện ô tô kinh doanh buôn bán anh L2 đã nhiều lần vay tiền của Phạm Thị L1. Khi cho vay L1 thỏa thuận với anh L2 mức lãi suất cho vay là 3.300 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 119%/năm), gấp 5,9 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính tròn tháng 30 ngày. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 31/12/2018, L1 cho anh L2 vay số tiền 30.000.000 đồng, anh L2 phải trả tiền lãi vào ngày 31 hàng tháng. Đến ngày 09/5/2020, anh L2 đã trả cho L1 tiền lãi của 489 ngày là 48.411.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 8.038.356 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 40.372.644 đồng. Số nợ gốc chưa thanh toán là 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 28/02/2019, L1 cho anh L2 vay số tiền 30.000.000 đồng, anh L2 phải trả tiền lãi vào ngày 28 hàng tháng. Đến ngày 09/5/2020, anh

L2 đã trả cho L1 tiền lãi của 431 ngày là 42.669.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 7.084.932 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 35.584.068 đồng. Số nợ gốc chưa thanh toán là 30.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 13/01/2020, L1 cho anh L2 vay số tiền 50.000.000 đồng, anh L2 phải trả tiền lãi vào ngày 13 hàng tháng. Đến ngày 09/5/2020, anh L2 đã trả cho L1 tiền lãi của 116 ngày là 19.140.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 3.178.082 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 15.961.918 đồng. Số nợ gốc chưa thanh toán là 50.000.000 đồng.

Đối với 03 khoản vay trên ngày 09/5/2020, anh L2 và Phạm Thị L1 đã thỏa thuận gộp thành một khoản vay với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, với lãi suất 3.300 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 119%/năm). Với khoản vay này ngày 15/4/2021 anh L2 phải trả cho L1 tiền lãi của 336 ngày là 121.968.000 đồng. Anh L2 mới trả cho L1 số tiền lãi 91.968.000 đồng còn nợ L1 30.000.000 đồng tiền lãi. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 20.052.055 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 71.715.945 đồng. Đến ngày 20/5/2021 anh L2 đã trả hết cho L1 số tiền gốc 110.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng Phạm Thị L1 đã cho anh Vũ Văn L2 vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Số tiền lãi anh L2 đã trả cho L1 là 202.188.000 đồng. Tiền lãi phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 38.553.425 đồng, L1 thu lợi bất chính số tiền là 163.634.575 đồng.

2. Ông Phạm Văn R trú tại phố L, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Ông Phạm Văn R làm thợ mộc tại phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình do thiếu tiền trả công cho thợ xây nhà nên ông R đến hỏi vay tiền của Phạm Thị L1. L1 thỏa thuận với ông R vay tiền mức lãi suất cho vay là 5.000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 180%/năm), gấp 9 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính tròn tháng 30 ngày. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 23/11/2020, L1 cho ông R vay số tiền 20.000.000 đồng, ông R phải trả tiền lãi vào ngày 23 hàng tháng. Đến ngày 23/12/2020, ông R đã trả cho L1 30 ngày tiền lãi của khoản vay này là 3.000.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 328.767 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 2.671.233 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 23/12/2020, ông R vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận với L1 gộp nợ gốc cũ và mới thành khoản vay 30.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2020 sẽ trả tiền lãi vào ngày 23 hàng tháng. Đến ngày 23/02/2021, ông R đã trả cho L1 tiền lãi của 60 ngày khoản vay này là 9.000.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là

986.301 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 8.013.699 đồng. Đến nay ông R đã trả cho L1 số nợ gốc 30.000.000 đồng của hai khoản vay trên.

Như vậy tổng cộng Phạm Thị L1 cho ông R vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (180%/năm). Số tiền lãi ông R đã trả cho L1 là 12.000.000 đồng. Tiền lãi phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 1.315.068 đồng, L1 thu lợi bất chính số tiền là 10.684.932 đồng.

3. Anh Đỗ Văn T1 trú tại thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Anh Đỗ Văn T1 làm nghề sơn nước do thiếu tiền để mua vật liệu sơn nên nhiều lần đặt vấn đề vay tiền của Phạm Thị L1. L1 đồng ý cho anh T1 vay tiền với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 108%/năm), gấp 5,4 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính tròn tháng 30 ngày. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 14/9/2020, L1 cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, anh T1 phải trả tiền lãi vào ngày 14 hàng tháng. Đến ngày 24/7/2021, số lãi nặng anh T1 phải trả cho L1 của 240 ngày là 7.200.000 đồng. Anh T1 mới trả cho L1 được 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi trên đến nay anh T1 chưa trả cho L1.

Lần thứ hai: Ngày 13/10/2020, L1 cho anh Đỗ Văn T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, anh T1 phải trả tiền lãi vào ngày 13 hàng tháng. Đến ngày 13/7/2021, anh T1 đã trả cho L1 tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi của 260 ngày khoản vay này là 16.200.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 2.958.904 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 13.241.096 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 09/11/2020, L1 cho anh Đỗ Văn T1 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, anh T1 phải trả tiền lãi vào ngày 09 hàng tháng. Đến ngày 09/3/2021, anh T1 đã trả cho L1 tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi của 120 ngày khoản vay này là 3.600.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 657.534 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 2.942.466 đồng.

Như vậy tổng cộng Phạm Thị L1 cho anh Đỗ Văn T1 vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày (108%/năm). Anh T1 đã trả đủ L1 số tiền gốc và số tiền lãi anh T1 đã trả cho L1 tổng số tiền là 19.800.000 đồng. Tiền lãi phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 3.616.438 đồng, L1 thu lợi bất chính số tiền là 16.183.562 đồng.

4. Chị Đinh Thị Phương T2 trú tại thôn V, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Đinh Thị Phương T2 làm nghề lao động tự do, do cần tiền giải quyết việc cá nhân nên ngày 11/8/2020, chị T2 hỏi vay của Phạm Thị L1 số tiền 30.000.000 đồng. L1 thỏa thuận với chị T2 vay tiền với mức lãi suất cho vay là 3.000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 108%/năm), gấp 5,4 lần mức lãi suất tối

đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính tròn tháng 30 ngày. Đến ngày 11/01/2021 chị T2 đã trả cho L1 số lãi của 150 ngày là 13.500.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 2.465.753 đồng, L1 thu lợi bất chính số tiền 11.034.247 đồng. Chị T2 đã trả cho L1 số tiền gốc 30.000.000 đồng.

5. Anh Vũ Văn T3 trú tại thôn chợ D, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Anh Vũ Văn T3 kinh doanh đồ gỗ nội thất tại xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do cần tiền để kinh doanh nên anh T3 nhiều lần vay tiền của Phạm Thị L1. L1 thỏa thuận cho anh T3 vay tiền với mức lãi suất cho vay là 3.300 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 119%/năm), gấp 5,9 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính tròn tháng 30 ngày. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 27/4/2017, L1 cho anh T3 vay số tiền 70.000.000 đồng, anh T3 phải trả tiền lãi vào ngày 27 hàng tháng. Đến ngày 27/4/2019, anh T3 phải trả cho L1 của 720 ngày là 166.320.000 đồng và trả đủ 70.000.000 đồng tiền gốc. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 27.616.438 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 138.703.562 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 06/5/2017, L1 cho anh T3 vay số tiền 30.000.000 đồng anh T3 phải trả tiền lãi vào ngày 06 hàng tháng. Đến ngày 06/5/2019, anh T3 đã trả tiền lãi của 720 ngày khoản vay này là 71.280.000 đồng và trả đủ 30.000.000 đồng tiền gốc. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 11.835.616 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 59.444.384 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 29/5/2017, anh T3 vay L1 số tiền 60.000.000 đồng và trả tiền lãi vào ngày 29 hàng tháng. Đến ngày 29/5/2019, anh T3 đã trả cho L1 tiền lãi của 720 ngày khoản vay này là 142.560.000 đồng và trả đủ 60.000.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 23.671.233 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 118.888.767 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 11/02/2020, L1 cho anh T3 vay số tiền 70.000.000 đồng và trả tiền lãi vào ngày 11 hàng tháng. Đến ngày 30/4/2021, anh T3 đã trả cho L1 tiền lãi của 439 ngày khoản vay này là 101.409.000 đồng, anh T3 đã trả tiền lãi cho L1 được 87.409.000 đồng và trả đủ 70.000.000 đồng tiền gốc. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa của 439 ngày là 16.838.356 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 70.570.644 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 19/02/2020, anh T3 vay L1 số tiền 30.000.000 đồng và trả tiền lãi vào ngày 19 hàng tháng. Đến ngày 30/4/2021, anh T3 đã trả tiền lãi của 431 ngày khoản vay này là 42.669.000 đồng, anh T3 đã trả cho L1 tiền lãi là 41.669.000 đồng và trả đủ 30.000.000 đồng tiền gốc. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa của 431 ngày là 7.084.932 đồng. L1 thu lợi

bất chính số tiền là 34.584.068 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 06/4/2020, anh T3 vay L1 số tiền 15.000.000 đồng và trả tiền lãi vào ngày 06 hàng tháng. Đến ngày 30/4/2021, anh T3 đã trả tiền lãi của 385 ngày khoản vay này là 19.057.500 đồng và trả đủ 15.000.000 đồng tiền gốc. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 3.164.384 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 15.893.116 đồng.

Như vậy tổng cộng Phạm Thị L1 cho anh Vũ Văn T3 vay 06 lần với tổng số tiền là 275.000.000 đồng với mức lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày (108%/năm). Tổng số tiền lãi anh T3 đã trả cho L1 tổng số tiền lãi là 528.295.500 đồng. Tiền lãi phải trả tối đa theo quy định của pháp luật là 90.210.959 đồng, L1 thu lợi bất chính số tiền là 438.084.541 đồng.

6. Anh Phan Văn N trú tại xóm X, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Anh Phan Văn N kinh doanh hàng ăn tại xóm chợ D, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do cần tiền để kinh doanh nên đã hỏi vay tiền của Phạm Thị L1. Ngày 07/6/2020, L1 thỏa thuận cho anh N vay số tiền 70.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay là 3.300 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 119%/năm), gấp 5,9 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, anh N phải trả tiền lãi vào ngày 07 hàng tháng. Quá trình vay tiền anh N đã trả tiền lãi cho L1 từ ngày 07/6/2020 đến ngày 07/9/2021 của 450 ngày là 103.950.000 đồng. Tính theo quy định của pháp luật tiền lãi phải trả tối đa là 17.260.274 đồng. L1 thu lợi bất chính số tiền là 86.689.726 đồng. Anh N còn nợ L1 số tiền gốc 70.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2022, Phạm Thị L1 đi đến nhà anh Phan Văn N tại xóm X, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để đòi nợ tiền lãi của 05 tháng kể từ ngày 07/9/2021 đến ngày 07/02/2022 là 35.000.000 đồng. Tại đây L1 cũng gặp anh Vũ Văn T3 đang ngồi tại nhà anh N chơi. Anh T3 cũng còn nợ L1 15.000.000 đồng gồm tiền lãi (14.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 11/02/2020 và 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 19/02/2020). L1 và T3 thống nhất anh T3 trả cho L1 số tiền lãi 8.000.000 đồng, số tiền còn lại 7.000.000 đồng L1 cho T3.

Khi Phạm Thị L1 đang nhận 35.000.000 đồng tiền lãi của anh N và 8.000.000 đồng của anh T3 thì bị lực lượng Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của L1 43.000.000 đồng tiền lãi đã nhận của anh T3 và anh N; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số thuê bao 0915.531.077; 01 quyển sổ màu đỏ ngoài có chữ “DIARY” màu đen bên trong có các trang giấy ghi nội dung liên quan đến việc cho vay tiền của Phạm Thị L1.

Cùng ngày 18/01/2022 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình khám xét nơi ở của Phạm Thị L1 thu giữ: 01 quyển vở học sinh KT 15x18 cm, bên trong có ghi chép nội dung cho vay tiền của L1; 01 quyển vở ô ly KT 23x17 cm,

bìa ngoài có chữ Campus bên trong có ghi chép nội dung cho vay tiền của L1; 01 quyển sổ màu đỏ KT 15x10x03 cm bên ngoài ghi chữ “DIARY” bên trong có ghi chép nội dung cho vay tiền của L1. Thu trong kết sắt tại phòng ngủ số tiền 143.300.000 đồng. L1 khai số tiền trên gồm 100.000.000 đồng là tiền mừng đám cưới của con trai Nguyễn Văn L3 gửi L1 giữ hộ; 20.000.000 đồng là của em trai Phạm Văn T4; 23.300.000 đồng của em gái Phạm Thị H. Số tiền này anh T4, chị H gửi L1 với mục đích để lo xây mộ cho bố đẻ.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thị L1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Về xử lý đồ vật, tài sản thu giữ và xử lý vật chứng: Đối với 04 quyển sổ trong đó có 02 quyển sổ màu đỏ bên ngoài ghi chữ “DIARY”, KT 15x10x03 cm bên ngoài ghi chữ “DIARY”; 01 quyển vở học sinh KT 15x18 cm; 01 quyển vở ô ly KT 23x17 cm, bìa ngoài có chữ Campus là tài liệu, chứng cứ được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 02 tháng 6 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Phạm Thị L1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị L1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa anh T4, bà H, anh L3 thừa nhận lời khai của bị cáo về số tiền cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nhà bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho họ, cụ thể: anh L3 số tiền 100.000.000 đồng, chị H số tiền 23.300.000 đồng, anh T4 số tiền 20.000.000 đồng. Riêng anh N cũng thừa nhận quá trình vay tiền và mức lãi xuất mà bị cáo L1 đã tính yêu cầu anh phải trả trong thời gian vay là đúng. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải trả lại anh số tiền lãi mà bị cáo đã thu của anh vượt quá mức lãi xuất cao nhất do ngân hàng Nhà nước quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị L1 số tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

* Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 463; 468 Bộ

luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Thị L1 trả lại số tiền **726.311.583 đồng** cho 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

- + Anh Vũ Văn L2 số tiền 163.634.575 đồng.
- + Anh Phạm Văn R số tiền 10.684.932 đồng.
- + Anh Đỗ Văn T1 số tiền 16.183.562 đồng.
- + Chị Đinh Thị Phương T2 số tiền 11.034.247 đồng.
- + Anh Phan Văn N số tiền 86.689.726 đồng
- + Anh Vũ Văn T3 số tiền 438.084.541 đồng.

* Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn L3 số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả lại cho anh Phạm Văn T4 số tiền 20.000.000 đồng.
- Trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 23.300.000 đồng.

- Truy thu bị cáo Phạm Thị L1 số tiền 638.421.917 đồng sung ngân sách Nhà nước (gồm 485.000.000 đồng tiền gốc bị cáo L1 đã sử dụng vào việc cho vay lãi nặng + 153.421.917 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của 06 người vay).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thị L1 nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000175 ngày 07/7/2022 (do chị L4 nộp thay cho bị cáo L1) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Truy thu anh Phan Văn N số tiền 70.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen bên trong có lắp sim điện thoại và số tiền 43.000.000 đồng thu giữ trong quá trình bắt giữ bị cáo.

Tiếp tục quản lý số tiền 186.300.000 đồng hiện đang gửi tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình và số tiền 20.000.000 đồng chị L4 (con gái bị cáo L1) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000175 ngày 07/7/2022 để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo tuổi cao, sức yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét nơi ở và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong thời gian từ năm 2017 cho đến năm 2022 để có tiền sử dụng cho cá nhân Phạm Thị L1 đã cho 06 người trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vay nhiều lượt với tổng số tiền gốc là 555.000.000 đồng. Mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày (108%/năm) đến 5.000 đồng/triệu/ngày (180%/năm) gấp từ 5,4 lần đến 9,0 lần mức lãi suất vay tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền L1 đã nhận được là 879.733.500 đồng trong đó số tiền lãi tính theo quy định pháp luật (20%) là 153.421.917 đồng. Bị cáo Phạm Thị L1 thu lợi bất chính số tiền 726.311.583 đồng. Hành vi của Phạm Thị L1 đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị L1 đã xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì hám lợi, muốn có lợi nhuận cao nên bị cáo Phạm Thị L1 đã nhiều lần cho nhiều

người vay tiền lấy lãi cao vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong thời điểm hiện nay loại tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm nghiêm trọng khác, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ tập trung xử lý đảm bảo tính nghiêm minh để kịp thời đấu tranh, ngăn chặn đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Ngày 07/7/2022 chị Nguyễn Thị L4 (con gái của bị cáo L1) đã nộp thay cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000175 để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; bị cáo tuổi cao sức yếu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng khi lượng hình. Bị cáo đã nhiều lần cho 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay tiền là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo đã 06 lần cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay tiền để lấy lãi, tuy nhiên bị cáo không lấy đó là nguồn thu nhập chính do vậy hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất của vụ án, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị L1 đã chiếm hưởng bất chính từ hoạt động cho vay đối với 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng số tiền là 726.311.583 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 463; 468 Bộ luật Dân sự bị cáo Phạm Thị L1 phải có trách nhiệm trả lại cho họ. Cụ thể như sau:

- Anh Vũ Văn L2 số tiền 163.634.575 đồng.
- Anh Phạm Văn R số tiền 10.684.932 đồng.
- Anh Đỗ Văn T1 số tiền 16.183.562 đồng.
- Chị Đinh Thị Phương T2 số tiền 11.034.247 đồng.
- Anh Phan Văn N số tiền 86.689.726 đồng.
- Anh Vũ Văn T3 số tiền 438.084.541 đồng.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

* Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự

- Đối với số tiền 485.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo Phạm Thị L1 sử dụng để cho 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay và khoản tiền lãi 153.421.917 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, tổng số tiền là 638.421.917 đồng là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên bị cáo L1 phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc anh Phan Văn N vay của Phạm Thị L1 từ ngày 07/6/2020 đến nay chưa trả. Số tiền trên là công cụ, phương tiện bị cáo L1 sử dụng vào việc phạm tội do vậy cần truy thu số tiền trên từ anh Phan Văn N để sung ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị L4 (con gái bị cáo L1) đã tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000175, ngày 07/7/2022 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

*Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Phạm Thị L1 số tiền 186.300.000 đồng gồm số tiền 43.000.000 đồng thu giữ khi bị cáo L1 đang nhận 35.000.000 đồng tiền lãi của anh Phan Văn N và số tiền 8.000.000 đồng tiền lãi của anh Vũ Văn T3, số tiền còn lại 143.300.000 đồng thu giữ trong két sắt tại phòng ngủ khi tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Thị L1. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 143.300.000 đồng thu giữ trong két sắt cơ quan điều tra đã chứng minh được: Số tiền 100.000.000 đồng là tiền mừng đám cưới của anh Nguyễn Văn L3 gửi L1 giữ hộ; số tiền 20.000.000 đồng là của anh Phạm Văn T4; số tiền 23.300.000 đồng của chị Phạm Thị H. Anh T4 và chị H gửi L1 để lo xây mộ cho bố để không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại số tiền trên cho anh L3, anh T4 và chị H.

- Đối với số tiền 43.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Phạm Thị L1 là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen bên trong có lắp sim điện thoại bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện liên lạc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6] Quá trình điều tra cơ quan điều tra còn xác định: Ngoài hành vi cho vay lãi nặng nêu trên Phạm Thị L1 còn nhiều lần cho anh Vũ Văn L2, Phạm Văn R, Đỗ Văn T1, Vũ Văn T3, Phan Văn N và 31 người khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vay tiền không tính lãi suất hoặc cho vay với mức lãi suất thỏa thuận từ 1.000 đồng/triệu/ngày (36%/năm) đến 2.500 đồng/triệu/ngày (90%/năm) gấp từ

1,8 lần đến 4,5 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Quá trình điều tra L1 và những người vay tiền của L1 xác định đây là quan hệ giao dịch dân sự không có đề nghị hoặc có ý kiến gì. Xét thấy mức lãi suất trên đều dưới 5 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định trong Bộ luật Dân sự nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị L1 về hành vi này.

[7] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng và Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm tuy nhiên bị cáo L1 tính đến thời điểm xét xử bị cáo đã 67 tuổi. Theo pháp luật của Pháp lệnh người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên là người cao tuổi nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 357; 463; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị L1 số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị L1 trả lại số tiền **726.311.583 đồng** cho 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

- Anh Vũ Văn L2 số tiền 163.634.575 đồng (*một trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Anh Phạm Văn R số tiền 10.684.932 đồng (*mười triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*)
- Anh Đỗ Văn T1 số tiền 16.183.562 đồng (*mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*)
- Chị Đinh Thị Phương T2 số tiền 11.034.247 đồng (*mười một triệu không trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*)
- Anh Phan Văn N số tiền 86.689.726 đồng (*tám mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*)
- Anh Vũ Văn T3 số tiền 438.084.541 đồng (*bốn trăm ba mươi tám triệu không trăm tám mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi một đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

** Biện pháp tư pháp:*

- Truy thu bị cáo Phạm Thị L1 số tiền 638.421.917 đồng sung ngân sách Nhà nước (gồm 485.000.000 đồng tiền gốc bị cáo L1 đã sử dụng vào việc cho vay lãi nặng + 153.421.917 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của 06 người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án)
- Truy thu anh Phan Văn N số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.
- Tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị L4 (con gái bị cáo) đã tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000175, ngày 07/7/2022 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

** Xử lý vật chứng:*

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn L3 số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*)
- Trả lại cho anh Phạm Văn T4 số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)
- Trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 23.300.000 đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*)
- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen bên trong có lắp sim điện thoại và số tiền 43.000.000 đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*)

(Chi tiết như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Tiếp tục quản lý số tiền 186.300.000 đồng hiện đang gửi tại tài khoản 3949.0.1054125.00000 Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi số 01 của Công an tỉnh Ninh Bình lập ngày 09/6/2022 để đảm bảo thi hành án và trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

4. Án phí: Bị cáo Phạm Thị L1 không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng Kiểm tra THA: 04 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC02 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC10 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 09 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thảo

